

Bản án số: 29/2020/DS-ST
Ngày 10 tháng 9 năm 2020
V/v Tranh chấp yêu cầu tuyên bố
di chúc là không hợp pháp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Phi

Bà Nguyễn Thị Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa:*
Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2019/TLST-DS ngày 23/12/2019 về việc "Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố di chúc là không hợp pháp" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2020/QĐXXST-DS ngày 22/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐST-DS ngày 16/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2020/QĐST-DS ngày 14/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Tấn Đ**, sinh năm 1956; Địa chỉ: K97/8 đường X, tổ 21, phường N, quận L, thành phố Đ (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Trần H**, sinh năm 1952; Địa chỉ: K428A/14 đường V, phường X, quận K, thành phố Đ. Ông H ủy quyền cho ông Đào Ngọc T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số 71 đường L, quận K, thành phố Đ đại diện tham gia tố tụng (theo Giấy ủy quyền ngày 10/01/2019), (ông T có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà **Lê Thị Xuân P** – Luật sư Công ty Luật TNHH K – Chi nhánh Đà Nẵng; Địa chỉ: Phường A, quận C, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Trần Thanh H1**; sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ 3, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Q (vắng mặt).

+ Ông **Trần S**; sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn 3, đội 17, xã L, huyện T, tỉnh Q (có mặt).

+ Bà **Trần Thị T**; sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ 2, thôn S, xã N, huyện T, tỉnh Q (có mặt).

+ **Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ**; Địa chỉ: Tầng 15 Tòa nhà T, số 24 đường P, thành phố Đ. Người đại diện theo pháp luật ông Tô Văn H, chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành Q, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại quận K (vắng mặt).

+ **Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận K, thành phố Đ**; địa chỉ: Số 503 đường V, quận K, thành phố Đ. Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Thành Q, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại quận K (vắng mặt).

+ **Phòng Công chứng X, thành phố Đ**; địa chỉ: Số 209 đường P, quận K, thành phố Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông **Trần Trương Quang D**, sinh năm 1983; Địa chỉ: 45/26 đường D, phường T, quận K, thành phố Đ (có mặt).

- Người làm chứng:

+ Bà **Tạ Thị H3**, sinh năm 1949; Địa chỉ: Tổ 30, phường X, quận K, thành phố Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà **Châu Thị V**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 28, phường X, quận K, thành phố Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn là ông Trần Tấn Đ trình bày:*

Sinh thời, em gái tôi là bà Trần Thị K, sinh năm 1961 có tạo lập được một khối tài sản là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3402032004 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 18/3/2003, có diện tích đất 38,4m², thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 13 tại địa chỉ Tổ 30B, phường X, quận K, thành phố Đ. Năm 2009, trước khi chết, em tôi có để lại di chúc cho mẹ tôi với nội dung: Để lại toàn bộ nhà và đất dùng làm nhà thờ tự, không được bán, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, bảo lãnh và giao cho mẹ tôi quản lý sử dụng. Bản thân tôi là người trực tiếp giữ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất nói trên nhưng ông Trần H đã tự ý dẫn mẹ tôi làm báo mất sổ để cấp sổ mới đứng tên mẹ tôi theo di chúc của em gái tôi và đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

CA569590 ngày 25/11/2015. Đến ngày 01/12/2015, ông H dẫn mẹ tôi là bà Nguyễn Thị K1 đi lập di chúc với nội dung: Để lại toàn bộ nhà và đất dùng làm nhà thờ tự, không được bán, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, bảo lãnh và giao cho ông Trần H quản lý sử dụng. Đến ngày 03/8/2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận K chỉnh lý biên động sang tên cho ông Trần H. Sau đó ông H đã sắm ổ khóa mới, khóa cửa lại và không cho anh em chúng tôi vào nhà để thắp hương cho ông bà tổ tiên. Anh em chúng tôi rất bất bình với việc làm sai trái của ông H, làm cho anh em gây gổ, bất đồng trong cuộc sống, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu tuyên bố di chúc của bà Nguyễn Thị K1 lập ngày 01/12/2015 tại Phòng Công chứng X thành phố Đ công chứng số 15076 TP/CC-SCC/HĐGD là không hợp pháp.

- Yêu cầu hủy phần chỉnh lý biên động với nội dung "*Để thừa kế cho ông Trần H (sinh năm: 1952, CMND số: 200109142, địa chỉ thường trú: Phường X, quận K, thành phố Đ); theo hồ sơ số 253491.TK.001*" do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận K chỉnh lý ngày 03/8/2017 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 569590 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ cấp ngày 25/11/2015.

Vì những lý do sau:

- + Thời điểm bà Nguyễn Thị K1 lập di chúc vào ngày 01/12/2015 thì bà K1 đang bị bệnh hiểm nghèo, được điều trị tại Bệnh viện ung bướu thành phố Đà Nẵng nên bà K1 không được minh mẫn và không làm chủ được hành vi của mình.

- + Nội dung di chúc của bà Trần Thị K là để lại toàn bộ di sản của bà K để làm nhà thờ tự, không được bán, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp và giao cho bà Nguyễn Thị K1 quản lý sử dụng nhưng bà K1 đã để lại thừa kế di sản cho ông Trần H. Theo tôi đây là một hình thức tặng cho tài sản nên không phù hợp với nội dung di chúc của bà K. Đồng thời, khi bà K1 lập di chúc không có mặt đông đủ và có sự thống nhất của các con của bà K1.

- + Để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị K1 thì ông Trần H đã làm thủ tục báo mất, trong khi đó tôi là người trực tiếp giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất số 3402032004 ngày 18/3/2003 mang tên bà Trần Thị K. Do vậy, hành vi báo mất giấy tờ của ông Trần H là vi phạm pháp luật.

Đối với ngôi nhà và đất tại thửa đất số 137, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: K428A/14 V, phường X, quận K, thành phố Đ, tôi yêu cầu ông Trần H và ông Trần Trương Quang D từ nay và mãi mãi về sau không được tự ý sửa chữa nhà và chuyển nhượng nếu không được sự đồng ý của tất cả anh em trong gia đình.

*** *Tại Bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Trần H là ông Đào Ngọc T trình bày:***

Sinh thời, bà Trần Thị K có tạo lập tài sản gồm nhà và đất tại thửa đất số 137, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 30B phường X, quận K, thành phố Đ, đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất số 3402032004 ngày 18/3/2003.

Đến ngày 22/5/2009, bà K đã lập di chúc chứng thực tại Phòng Công chứng Y thành phố Đ với nội dung là để lại toàn bộ di sản của bà K để làm nhà thờ tự, không được bán, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp và giao cho bà Nguyễn Thị K1 quản lý sử dụng.

Sau khi bà K mất thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất số 3402032004 ngày 18/3/2003 bị mất nên ngày 19/01/2015, ông H đã làm đơn xin trình báo mất giấy tờ liên quan đến nhà ở và đất ở tại thửa đất số 137, tờ bản đồ số 13 và có xác nhận của Công an phường X. Ngày 25/4/2015, bà K1 nộp đơn đề nghị đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ nên ngày 25/11/2015 Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ ban hành Quyết định số 712/QĐ-STNMT ngày 25/11/2015 về việc "hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất số 3402032004 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho bà Trần Thị K ngày 18/3/2003".

Ngày 24/6/2015, trên cơ sở bản di chúc mà bà K đã lập, bà Nguyễn Thị K1 đã thực hiện thủ tục kê khai nhận di sản thừa kế của bà K. Ngày 25/11/2015, bà K1 được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 569590 ngày 25/11/2015.

Ngày 01/12/2015, tại Phòng Công chứng X thành phố Đ bà K1 đã lập di chúc với nội dung để lại toàn bộ ngôi nhà và đất này để làm nhà thờ tự, không được bán, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp và giao cho con trai là ông Trần H quản lý sử dụng.

Trên cơ sở di chúc của bà Nguyễn Thị K1 lập được Phòng Công chứng X thành phố Đ công chứng số 15076 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/12/2015 thì ông Trần H đã đăng ký biến động đất đai và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận K chỉnh lý biến động đất đai trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 569590 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ cấp ngày 25/11/2015 với nội dung: "*Để thừa kế cho ông Trần H (sinh năm: 1952, CMND số: 200109142, địa chỉ thường trú: Phường X, quận K, thành phố Đ); theo hồ sơ số 253491.TK.001*" vào ngày 03/8/2017.

Từ những cơ sở trên, chúng tôi có ý kiến như sau:

+ Thứ nhất, đối với di chúc của bà Trần Thị K lập ngày 22/5/2009 được Phòng Công chứng Y thành phố Đ công chứng số 6456, quyển số /TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2009 thì thấy: Tại thời điểm công chứng ngày 22/5/2009, bà Trần Thị K hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị lừa dối, đe dọa hay cưỡng ép; mục đích và nội dung của di chúc không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 630 của Bộ luật dân sự năm 2015 "Di chúc hợp pháp". Đồng thời, văn bản thừa kế được công chứng tại Phòng Công chứng Y thành phố Đ được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. Do vậy, di chúc ngày 22/5/2009 của bà K là hoàn toàn hợp pháp.

+ Thứ hai, đối với di chúc của bà Nguyễn Thị K1 lập ngày 01/12/2015 được Phòng Công chứng X thành phố Đ công chứng số 15076 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/12/2015 thì thấy:

Thủ tục khai nhận di sản thừa kế của bà K1 và thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ và được Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Đà Nẵng xác nhận nên ngày 25/11/2015 bà K1 được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 569590 là đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 99 Luật đất đai 2013. Đến ngày 01/12/2015, tại Phòng Công chứng X, thành phố Đ, bà K1 lập di chúc để lại toàn bộ phần tài sản của bà K1 bao gồm thửa đất và nhà nêu trên cho ông Trần H theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 636 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tại thời điểm công chứng ngày 01/12/2015, bà K1 hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, đe dọa và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên trình tự thủ tục lập di chúc là đúng quy định pháp luật. Đồng thời văn bản thừa kế tại Phòng công chứng số 2 đã thực hiện đúng quy định về công chứng, chứng thực. Vì vậy, di chúc của bà K1 là hoàn toàn hợp pháp. Do đó, yêu cầu của ông Đ về việc "Tuyên bố di chúc của bà Nguyễn Thị K1 lập ngày 01/12/2015 tại Phòng Công chứng X thành phố Đ là không hợp pháp" là hoàn toàn không có cơ sở pháp lý nên ông H không đồng ý.

Theo khoản 5 Điều 221, Điều 234 của Bộ luật dân sự 2015 thì ông Trần H là người thừa kế duy nhất đối với tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 137, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 30B phường X, quận K, thành phố Đ theo di chúc lập ngày 01/12/2015 của bà Nguyễn Thị K1 được Phòng Công chứng X thành phố Đ công chứng số 15076 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/12/2015 và thủ tục đăng ký biến động đối với tài sản này được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Do vậy, yêu cầu của ông Trần Tấn Đ về việc hủy phần chính lý biến động với nội dung "Để thừa kế cho ông Trần H (sinh năm: 1952, CMND số: 200109142, địa chỉ

thường trú: Phường X, quận K, thành phố Đ); theo hồ sơ số 253491.TK.001" do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận K chỉnh lý ngày 03/8/2017 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 569590 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ cấp ngày 25/11/2015 là hoàn toàn không có cơ sở nên ông H không đồng ý.

+ Thứ ba, về thời hiệu khởi kiện yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu.

Nguyên đơn - ông Trần Tấn Đ cho rằng ông H đã có hành vi đe dọa, cưỡng ép bà K1 cụ thể trong đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 23/12/2019 như sau: "Anh em chúng tôi rất bất bình việc làm sai của mẹ tôi khi đầu yếu không có lý trí bị ông Trần H điếm chỉ lẫn tay để làm sổ cho bản thân ông đạt mục đích cuối cùng tư lợi...". Ông Đ khởi kiện yêu cầu tuyên bố di chúc không hợp pháp do bị lừa dối, cưỡng ép, đe dọa theo quy định tại Điều 127 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, thời điểm bà K1 lập di chúc ngày 01/12/2015 đến thời điểm Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thụ lý là hơn 04 năm nhưng căn cứ điểm c khoản 1 Điều 132 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu đối với trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép là 02 năm kể từ ngày người có hành vi đe dọa, cưỡng ép chấm dứt hành vi đe dọa, cưỡng ép. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Đ tuyên bố di chúc của bà K1 là vô hiệu do bị lừa dối đã hết thời hiệu. Do vậy, ông đề nghị Tòa án đình chỉ "Yêu cầu tuyên bố di chúc của bà Nguyễn Thị K1 lập ngày 01/12/2015 tại Phòng Công chứng X thành phố Đ là không hợp pháp".

Nếu Tòa án tuyên bố di chúc không hợp pháp thì việc lập di chúc là một giao dịch dân sự bị vô hiệu. Nếu giao dịch dân sự vô hiệu thì yêu cầu Tòa án giải quyết của hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu theo Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 645 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì ông H hiện là người đang quản lý hợp pháp đối với nhà và đất tại 428A/14 V, tổ 30, phường X, quận K, thành phố Đ nên yêu cầu giao cho ông Trần H là người quản lý đối với di sản thừa kế này.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.**

*** Theo Bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà ông Trần S, bà Trần Thị T đều thống nhất với phần trình bày và yêu cầu như trên của nguyên đơn là ông Trần Tấn Đ.**

*** Theo Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Trương Quang D trình bày:** Tôi là con của ông Trần H. Khi bà nội tôi là bà Nguyễn Thị K1 và cô ruột là Trần Thị K còn sống thì thỉnh thoảng tôi có đến nhà K428A/14 V, phường X, quận K, thành phố Đ để thăm.

Ngày 26/9/2018, cha của tôi là ông Trần H có lập hợp đồng ủy quyền cho tôi và được Văn Phòng Công chứng Ngọc Yên công chứng số 6633 ngày 26/9/2018 với nội dung tôi (Trần Trương Quang D) được quyền thực hiện các hành vi sau: "Quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 137, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: K428A/14 V, phường X, quận K, thành phố Đ để hương khói ông bà tổ tiên mà hiện nay tôi đang trực tiếp quản lý và thờ cúng ông bà ở đây. Lập và ký tên trên các giấy tờ có liên quan đến nội dung ủy quyền trên".

Sau khi bà nội mất thì tôi dọn đến ngôi nhà trên để trông lo hương khói. Ngoài tôi ra thì có ông Trần Quang T2 (con của ông Trần Thanh H1) đã ở tại ngôi nhà trên từ khi bà nội còn sống đến nay.

Tôi xác định tôi đang sinh sống tại nhà K428A/14 V, phường X, quận K, thành phố Đ để lo hương khói cho ông bà. Tôi không có đóng góp xây dựng gì đối với nhà, đất trên.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố di chúc của bà Nguyễn Thị K1 lập ngày 01/12/2015 tại Phòng Công chứng X thành phố Đ là không hợp pháp và yêu cầu hủy phần chỉnh lý biến động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận K, thành phố Đ vào ngày 03/8/2017 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 569590 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ cấp ngày 25/11/2015 thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại bản tự khai ngày 24/02/2020, ông Trần Quang T2 trình bày:** Tôi là con của ông Trần Thanh H1, là cháu nội của bà Nguyễn Thị K1. Sau khi bà nội mất thì tôi và ông Trần Trương Quang D có đến ở tại ngôi nhà K428A/14 V, phường X, quận K, thành phố Đ để trông coi nhà và lo hương khói cho ông bà. Tôi và ông D không có đóng góp gì để sửa chữa hoặc xây dựng đối với ngôi nhà trên.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Phòng Công chứng X, thành phố Đ vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có văn bản thể hiện ý kiến:**

Công chứng viên của Phòng Công chứng X, thành phố Đ đã thực hiện chứng nhận bà Nguyễn Thị K1 lập Di chúc số 15076 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/12/2015 đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu và theo giấy tờ hợp lệ do người tham gia hợp đồng xuất trình.

*** Theo đơn trình bày của người làm chứng bà Tạ Thị H3 và bà Châu Thị V thể hiện:** Chúng tôi được bà Nguyễn Thị K1 nhờ đi cùng bà K1 đến Phòng Công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng để làm chứng kiến việc bà K1 lập di chúc. Chúng tôi đã đọc lại toàn bộ nội dung di chúc cho bà K1 nghe rõ và bà K1 công nhận là chính xác, đúng ý muốn mà bà K1 đã nói. Bên cạnh đó, chúng

tôi xác nhận bà K1 hoàn toàn khỏe mạnh, minh mẫn, sáng suốt, có thể tự đi lại, tự nghe nói, tự điếm chỉ được và hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Xác định lại quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 6 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự là “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố di chúc của bà Nguyễn Thị K1 lập ngày 01/12/2015 tại Phòng Công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật. Do xác định di chúc của bà K1 vô hiệu nên cần giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu theo Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005 nhưng việc thực hiện di chúc chưa gây ra thiệt hại về tài sản và các bên đương sự không yêu cầu bồi thường nên không có cơ sở để xem xét.

+ Không chấp nhận đối với yêu cầu hủy phần chỉnh lý biên động của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở mà ông Trần Tấn Đ và hàng thừa kế thứ nhất của bà K1 được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà.

+ Án phí và các chi phí tố tụng khác các đồng thừa kế phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Trần Thanh H1, Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Thanh Khê, Phòng Công chứng X thành phố Đ; những người làm chứng gồm bà Tạ Thị H3, bà Châu Thị V mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 và 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Sinh thời, bà Trần Thị K, sinh năm 1961 có tạo lập được một khối tài sản là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số phát hành 3402032004, hồ sơ gốc số 65365 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 18/3/2003, có diện tích đất 38,4m², thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 13 tại địa chỉ Tổ 30B, phường X, quận K, thành phố Đ. Năm 2019, bà K bị bệnh chết có để lại di chúc với nội dung:

“Nay tôi lập di chúc này để lại toàn bộ ngôi nhà đất nói trên dùng làm nhà thờ tự, không được bán, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, bảo lãnh và giao cho mẹ tôi có tên sau đây quản lý sử dụng:

Bà **Nguyễn Thị K1**, sinh năm 1927, Chứng minh nhân dân số: 200486xxx cấp tại Công an Quảng Nam Đà Nẵng ngày 01/8/1979. Nơi thường trú: Tổ 28, phường X, quận K, thành phố Đ.

Trường hợp ngôi nhà đất nói trên nằm trong diện quy hoạch giải tỏa thì mẹ tôi – Nguyễn Thị K1 – là người nhận tiền đền bù và mua đất xây dựng ngôi nhà để thờ tự. Ngoài ra, các cháu nội ngoại ở xa, nếu có nguyện vọng thì được ở lại ngôi nhà trên, thuận lợi cho việc học hành của các cháu.

Sau khi tôi qua đời, mẹ **Nguyễn Thị K1** thực hiện đúng nội dung di chúc như đã chỉ định trên mà không ai được quyền tranh giành hay khiếu nại.”

Vào năm 2010, bà K1 già yếu nên họp gia đình và thống nhất giao cho ông Trần S là người quản lý. Ông Trần S sinh sống tại nhà và đất nói trên từ năm 2008 đến năm 2015 thì không sinh sống nữa. Trong khoảng thời gian sinh sống và quản lý nhà và đất thì ông Sơn không đóng xây dựng hay sửa chữa gì.

Tại thời điểm sau khi bà K chết, ông Trần Tấn Đ là người trực tiếp giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất số 3402032004 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 18/3/2003 nhưng ông Trần H không biết nên ngày 19/01/2015, ông Trần H đã làm đơn xin trình báo mất giấy tờ liên quan đến nhà ở và đất ở tại thửa đất số 137, tờ bản đồ số 13 và có xác nhận của Công an phường X. Ngày 25/4/2015, bà K1 nộp đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ nên ngày 25/11/2015 Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ ban hành Quyết định số 712/QĐ-STNMT ngày 25/11/2015 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất số phát hành 3402032004 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho bà Trần Thị K ngày 18/3/2003.

Ngày 24/6/2015, bà K1 đã thực hiện thủ tục kê khai nhận di sản thừa kế của bà K. Ngày 25/11/2015, bà K1 được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 569590 ngày 25/11/2015.

Sau đó, bà K1 đã lập di chúc chứng thực tại Phòng Công chứng X thành phố Đ với nội dung: “Nay tôi lập di chúc này để lại toàn bộ ngôi đất nói trên dùng làm nhà thờ tự, không được bán, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, bảo lãnh và giao cho con trai tôi là Trần H, sinh ngày 15/8/1952, có CMND số 200109142 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 30/6/2009, thường trú tại tổ 33, phường X, quận K, thành phố Đ được quyền quản lý, sử dụng mà không ai được tranh giành hay khiếu nại. Trong trường hợp nhà đất nói trên nằm trong diện quy hoạch giải tỏa thì con trai tôi Trần H – là người nhận tiền đền bù và mua đất xây nhà để thờ tự.”

Sau khi bà K1 chết, trên cơ sở di chúc của bà K1 thì ông Trần H đăng ký biến động đất đai và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận K chỉnh lý biến động đất đai trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 569590 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ cấp ngày 25/11/2015 với nội dung để thừa kế cho ông Trần H.

Nguyên đơn ông Trần Tấn Đ cho rằng việc bà K1 làm di chúc để lại cho ông Trần H là không hợp pháp vì tại thời điểm bà K1 làm di chúc bà K1 bị bệnh hiểm nghèo, không minh mẫn; di chúc bà K để làm nhà thờ tự, không được bán, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp và giao cho bà Nguyễn Thị K1 quản lý sử dụng nhưng bà K1 để lại di chúc cho ông H là không đúng với di nguyện của bà K; việc ông H báo mất để làm thủ tục hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3402032004 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/3/2003 cho bà K và làm lại Giấy chứng nhận mới mang tên bà K1 trong khi biết ông Đ đang giữ Giấy chứng nhận của bà K là vi phạm pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng di chúc bà Nguyễn Thị K1 hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị lừa dối, đe dọa hay cưỡng ép; mục đích và nội dung của di chúc không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đồng thời, văn bản thừa kế được công chứng tại Phòng Công chứng X, thành phố Đ được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. Do vậy, di chúc lập ngày 01/12/2015 của bà K1 là hợp pháp. Vì ông Trần H là người thừa kế duy nhất đối với tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 137, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 30B phường X, quận K, thành phố Đ theo di chúc lập ngày 01/12/2015 của bà Nguyễn Thị K1 và thủ tục đăng ký biến động đối với tài sản này được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời yêu cầu áp dụng thời hiệu để đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu HĐXX tuyên di chúc là không hợp pháp thì yêu cầu giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu, áp dụng Điều 645 của Bộ luật dân sự thì ông H hiện là người đang quản lý hợp pháp đối với nhà và đất tại 428A/14 đường V, tổ 30, phường X, quận K, thành phố Đ nên yêu cầu giao cho ông Trần H là người quản lý đối với di sản thừa kế này.

Hiện nay nhà và đất nói trên do ông Trần H đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra còn có hai cháu nội là ông Trần Trương Quang D và ông Trần Thanh Tú đang sinh sống nhưng không đóng góp xây dựng gì đối với nhà và đất này.

[3] Đối với di chúc của bà Trần Thị K, tại thời điểm lập di chúc bà K hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị lừa dối, đe dọa hay cưỡng ép; mục đích và nội dung của di chúc không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đồng thời, di chúc được công chứng tại Phòng Công chứng Y thành phố Đ được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. Do vậy, di chúc lập ngày 22/5/2009 của bà K là hợp pháp.

[4] Sau khi bà K chết, ông Trần H làm thủ tục báo mất và xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 3402032004 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho bà Trần Thị K ngày 18/3/2003. Ngày 25/4/2015, bà K1 nộp đơn đăng ký đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử hữu nhà ở, quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ nên ngày 25/11/2015 Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ ban hành Quyết định số 712/QĐ-STNMT ngày 25/11/2015 v/v hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất số phát hành 3402032004 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho bà Trần Thị K ngày 18/3/2003. Ngày 24/6/2015, bà K1 đã thực hiện thủ tục kê khai nhận di sản thừa kế của bà K. Ngày 25/11/2015, bà K1 được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 569590 ngày 25/11/2015 là đúng theo trình tự thủ tục và phù hợp với di chúc của bà Trần Thị K.

[5] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị K1 lập di chúc ngày 01/12/2015 nhưng đến tháng 12/2018 ông Trần Tấn Đ mới biết được việc bà K1 trước khi chết có để lại di chúc. Ngày 23/12/2019, ông Trần Tấn Đ khởi kiện yêu cầu tuyên bố di chúc không hợp pháp là phù hợp với khoản 1 Điều 154 của Bộ luật dân sự 2015.

[6] Tại thời điểm lập di chúc ông Trần Tấn Đ cho rằng bà Nguyễn Thị K1 bị ốm đau bệnh hiểm nghèo, không đủ minh mẫn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Đ không chứng minh được nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đồng thời căn cứ lời khai của người làm chứng cho rằng bà K1 vào thời điểm lập di chúc hoàn toàn khỏe mạnh, minh mẫn, sáng suốt, có thể tự đi lại, tự nghe nói, tự điểm chỉ được và hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc.

[7] Xét di chúc của bà Nguyễn Thị K1 lập ngày 01/12/2015 thì thấy:

- Về hình thức của di chúc: Di chúc được lập thành văn bản, có người làm chứng và được công chứng chứng thực phù hợp với quy định tại Điều 649, 650 Bộ luật dân sự 2005.

- Về nội dung của di chúc: Nội dung của di chúc được lập thực hiện đúng theo Điều 653 Bộ luật dân sự 2005. Tuy nhiên nội dung di chúc của bà K1 không thể hiện nội dung di chúc bà K để lại “Ngoài ra, các cháu nội ngoại ở xa, nếu có nguyện vọng thì được ở lại ngôi nhà trên, thuận lợi cho việc học hành của các cháu” nên không phù hợp với di nguyện của bà K.

- Về tính hợp pháp của di chúc: Tại thời điểm lập di chúc bà K1 minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hay cưỡng ép. Tuy nhiên, nội dung di chúc của bà K là: Để loại toàn bộ nhà và đất dùng làm nhà thờ tự, không được bán, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, bảo lãnh và giao cho bà Nguyễn Thị K1 quản lý sử dụng. Như vậy, di chúc của bà K đã chỉ định bà K1 là người quản lý di sản theo khoản 1 Điều 638 Bộ luật dân sự 2005. Việc bà K1 để lại di chúc cho ông Trần H là một hình thức định đoạt phần di sản thừa kế do bà K để lại là không phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 639 Bộ luật dân sự 2005. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố di chúc của bà Nguyễn Thị K1 lập ngày 01/12/2015 là không hợp pháp.

[8] Từ khi bà K1 mất, nhà và đất nói trên do ông Trần H quản lý, sử dụng. Ngoài ra còn có hai cháu nội là ông Trần Trương Quang D và ông Trần Thanh Tú đang sinh sống và chăm lo hương khói cho ông bà nhưng không đóng góp xây dựng gì đối với nhà và đất này, ông Trần S sinh sống từ năm 2008 đến 2015 cũng không đóng góp xây dựng gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Trên cơ sở di chúc của bà Nguyễn Thị K1 để lại, ông Trần H đã làm thủ tục đề nghị để được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉnh lý biến động sang tên ông là không phù hợp với quy định của pháp luật nên kiến nghị Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận K, thành phố Đ điều chỉnh biến động phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

[10] Án phí và các chi phí tố tụng khác:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông Trần H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên ông Trần H là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần H được miễn tiền án phí.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000đ ông Trần Tấn Đ tự nguyện chịu.

[11] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy do di chúc của bà Nguyễn Thị K1 lập ngày 01/12/2015 là không hợp pháp nên đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[12] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 157, 227, 228, 229, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 154 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 638, 639, 646, 649, 650, 652, 653, 670 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố di chúc là không hợp pháp" của nguyên đơn ông Trần Tấn Đ đối với bị đơn ông Trần H.

Tuyên bố Di chúc do bà Nguyễn Thị K1 lập ngày 01/12/2015 được Phòng Công chứng X thành phố Đ công chứng theo số công chứng 15076 TP/CC-SCC/HĐGD là không hợp pháp.

II. Kiến nghị Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận K, thành phố Đ điều chỉnh biên động phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án và theo quy định của pháp luật.

III. Các đương sự thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị K1 có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 569590 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ cấp ngày 25/11/2015 phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án và theo quy định của pháp luật.

IV. Án phí và các chi phí tố tụng khác:

1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần H không phải chịu tiền án phí.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trần Tấn Đ tự nguyện chịu là 2.000.000đ (hai triệu đồng), đã nộp đã chi xong.

IV. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Hà